

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ  
TMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6 13** /TB-TMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL**

**Kính gửi/ To:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities  
Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock  
Exchange*

Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần ô tô TMT

Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: TMT

Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung  
Tự, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Điện thoại/ *Telephone*: 04 3 8628205

Fax: 04 3 8628703

Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: **ÔNG BÙI VĂN HỮU**

Chức vụ/ *Position*: Chủ tịch HĐQT

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  Theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần ô tô TMT xin trân trọng thông báo:

Ngày 30/10/2023 Công ty cổ phần ô tô TMT công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2023 và giải trình kết quả sản xuất kinh doanh quý III năm 2023.

Thông tin này đã được đăng công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần ô tô TMT vào ngày 30/10/2023: <https://tmt-vietnam.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính hợp nhất Q3.2023

- Giải trình kết quả SXKD Q3.2023

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**BÙI VĂN HỮU**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố HCM**

*- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020*

Công ty Cổ phần Ô tô TMT (Mã chứng khoán: TMT) đã tiến hành công bố Báo cáo tài chính quý II năm 2023. Liên quan đến nội dung công bố, Công ty chúng tôi xin giải trình về sự biến động lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

**1. Biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo tài chính của Công ty Quý III năm 2023:**

*Đvt: đồng*

STT	Loại báo cáo	Chỉ tiêu	Quý III năm 2023	Quý III năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1	BCTC riêng	Lợi nhuận sau thuế	71.125.870	1.344.581.752	(1.273.455.882)	-94,7%
2	BCTC hợp nhất	Lợi nhuận sau thuế	141.091.248	395.653.381	(254.562.134)	-64,3%

**2. Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế BCTC riêng quý III.2023**

Lợi nhuận sau thuế Quý III năm 2023 đạt 71,1 triệu đồng giảm 1.273 triệu đồng tương ứng giảm 94,7% so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do:

- Chi phí bán hàng giảm 2.9 tỷ tương ứng giảm 22,08% do công ty đã quản lý hiệu quả chi phí.

- Doanh thu tài chính giảm 401 triệu đồng tương ứng với 39,9 % do giảm các khoản tiền gửi ngân hàng

- Chi phí tài chính tăng 1.054 triệu đồng tương ứng 2,6% do dư nợ tăng hơn cùng kỳ năm 2022.





## 2. Kết quả kinh doanh hợp nhất Quý III năm 2023 của toàn Công ty

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất Quý III năm 2023 đạt 464 tỷ, giảm 18.3 tỷ tương ứng với 3.9% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận sau thuế giảm 254 triệu đồng tương ứng giảm 64.3 % so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do chính sách giảm giá thúc đẩy bán hàng.

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu có tác động lớn đến kết quả kinh doanh Quý III năm 2023 của Công ty Cổ phần Ô tô TMT.

Xin trân trọng báo cáo!

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu VP, P.TCKT.



Bùi Văn Hữu



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2023*



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Lãnh đạo</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất</b>	<b>4– 32</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6-7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8-9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-33

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập của Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Công	Phó Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên;
Ông Mai Tiến	Ủy viên;
Ông Bùi Tiến Đạt	Ủy viên;
Ông Bùi Quang Huy	Ủy viên.

#### **BAN LÃNH ĐẠO VÀ PHỤ TRÁCH PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Phụ trách Phòng tài chính kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;
Ông Nguyễn Nghĩa Trung	Trưởng phòng Tài chính kế toán

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Bùi Văn Hữu



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.780.465.831.011</b>	<b>2.998.004.330.975</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>48.006.652.515</b>	<b>30.089.221.341</b>
Tiền	111		36.250.803.301	21.633.017.432
Các khoản tương đương tiền	112		11.755.849.214	8.456.203.909
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>2.689.269.861</b>	<b>106.644.897.488</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	2a	1.073.530	1.073.530
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	2a	(438.730)	(499.330)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2b	2.688.635.061	106.644.323.288
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>234.239.317.092</b>	<b>303.317.788.445</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	74.302.391.462	68.530.992.027
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		126.948.283.962	50.211.426.944
Phải thu ngắn hạn khác	136	4	25.189.255.141	177.238.136.389
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5	(2.336.992.599)	(2.336.992.599)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		10.136.379.126	9.674.225.684
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.481.871.258.708</b>	<b>2.440.931.618.568</b>
Hàng tồn kho	141	6	1.481.871.258.708	2.499.222.867.447
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(58.291.248.879)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.659.332.835</b>	<b>117.020.805.133</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	5.387.561.426	7.507.668.763
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.230.421.809	109.472.136.370
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		41.349.600	41.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>514.845.541.675</b>	<b>508.416.881.617</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>100.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		100.000.000	15.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>7</b>	<b>298.009.769.133</b>	<b>308.673.567.167</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		245.173.829.573	255.553.716.028
- Nguyên giá	222		480.076.195.961	476.612.397.380
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234.902.366.388)	(221.058.681.352)
Tài sản cố định vô hình	227	8	52.835.939.560	53.119.851.139
- Nguyên giá	228		53.473.945.000	53.473.945.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(638.005.440)	(354.093.861)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>18.014.009.456</b>	<b>1.728.744.198</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	18.014.009.456	1.728.744.198
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>198.721.763.086</b>	<b>197.999.570.252</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	66.120.318.544	63.905.314.382
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	56.478.300
Lợi thế thương mại	269		132.601.444.542	134.037.777.570
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.295.311.372.686</b>	<b>3.506.421.212.592</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.858.514.468.195</b>	<b>3.070.880.599.171</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.738.304.091.227</b>	<b>2.947.605.954.364</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	197.976.164.832	1.790.373.658.489
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	80.171.986.805	83.118.796.837
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		7.000.599.072	25.501.044.545
Phải trả người lao động	314		5.429.543.191	15.915.955.678
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	1.825.655.731	23.493.588.721
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	25.435.151.142	32.223.101.912
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	1.420.091.321.956	976.606.139.684
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		373.668.498	373.668.498
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>120.210.376.968</b>	<b>123.274.644.807</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	3	67.197.259.671	67.300.694.276
Phải trả dài hạn khác	337	15	36.200.000.000	30.400.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	11	14.132.782.965	23.965.311.827
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		2.680.334.332	1.608.638.704
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>436.796.904.491</b>	<b>435.540.613.421</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>436.796.904.491</b>	<b>435.540.613.421</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411	16	372.876.800.000	372.876.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372.876.800.000	372.876.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		360.727.500	360.727.500
Vốn khác của chủ sở hữu	414		483.226.387	483.226.387
Cổ phiếu quỹ	415		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
Quỹ đầu tư phát triển	418		16.806.553.031	16.806.553.031
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.475.450.474	50.834.927.773
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.773.754.315	2.542.249.823
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.701.696.159	48.292.677.950
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.475.136.746	2.859.368.377
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.295.311.372.686</b>	<b>3.506.421.212.592</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu



Đinh Thị Ngọc

TP.Tài chính kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Bùi Văn Hữu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ 01 tháng 01 năm 2023 đến 30 tháng 09 năm 2023

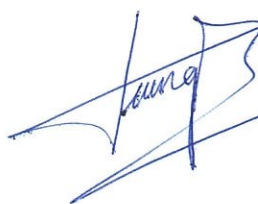
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến	Từ 01/01/2022 đến
			30/09/2023	30/09/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	1.991.051.323.857	2.271.542.903.995
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2	17.432.348.956	8.986.475.413
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.973.618.974.901</b>	<b>2.262.556.428.582</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>3</b>	<b>1.785.160.913.934</b>	<b>2.010.163.919.640</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>188.458.060.967</b>	<b>252.392.508.942</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	4.618.711.787	24.743.480.909
Chi phí tài chính	22	5	119.690.483.812	90.929.756.958
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>117.133.198.583</i>	<i>19.360.569.331</i>
Chi phí bán hàng	25	8	44.791.992.067	67.964.043.663
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8	38.815.052.502	33.696.855.345
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(10.220.755.627)</b>	<b>84.545.333.885</b>
Thu nhập khác	31	6	15.724.998.275	1.097.816.704
Chi phí khác	32	7	618.583.818	445.272.724
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>15.106.414.457</b>	<b>652.543.980</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.885.658.830</b>	<b>85.197.877.865</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.437.959.843	18.009.865.960
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.130.234.460	12.646.798
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.317.464.527</b>	<b>67.175.365.107</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.701.696.159	67.114.888.735
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(384.231.632)	60.476.372
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>46</b>	<b>1.820</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

TP.Tài chính kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**Đinh Thị Ngọc**

**Nguyễn Nghĩa Trung**

**Bùi Văn Hữu**



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III.2023**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế	
				Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.01	446.356.973.230	464.635.104.586	1.991.051.323.857	2.271.542.903.995
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.02	444.388.367	624.451.028	17.432.348.956	8.986.475.413
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.03	445.912.584.863	464.010.653.558	1.973.618.974.901	2.262.556.428.582
4	Giá vốn hàng bán	11	V.04	386.771.864.342	398.057.298.939	1.785.160.913.934	2.010.163.919.640
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	V.05	59.140.720.521	65.953.354.619	188.458.060.967	252.392.508.942
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.06	562.435.969	925.329.993	4.618.711.787	24.743.480.909
7	Chi phí tài chính	22	V.07	39.756.539.040	41.313.765.715	119.690.483.812	90.929.756.958
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	V.08	38.236.728.026	20.950.420.720	117.133.198.583	19.360.569.331
9	Chi phí bán hàng	25	V.09	11.330.299.755	15.430.490.520	44.791.992.067	67.964.043.663
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.10	9.251.072.156	10.002.083.345	38.815.052.502	33.696.855.345
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	V.11	(634.754.461)	132.345.031	(10.220.755.627)	84.545.333.885
12	Thu nhập khác	31	V.12	1.207.001.758	693.335.457	15.724.998.275	1.097.816.704
13	Chi phí khác	32	V.13	402.301.849	415.496.608	618.583.818	445.272.724
14	Lợi nhuận khác	40	V.14	804.699.909	277.838.849	15.106.414.457	652.543.980
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	V.15	169.945.448	410.183.880	4.885.658.830	85.197.877.865
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	28.854.200	1.883.701	2.437.959.843	18.009.865.960
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.17	-	12.646.798	1.130.234.460	67.188.011.905
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	V.18	141.091.248	395.653.381	1.317.464.527	67.114.888.735
19	Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61	V.19	341.670.920	371.342.987	1.701.696.159	60.476.372
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.20	(200.579.672)	24.310.394	(384.231.632)	1.822
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.21	9	11	46	1.822

TP TCKT

Người lập biểu



Đinh Thị Ngọc

Chủ tịch HĐQT



Bùi Văn Hữu

Nguyễn Nghĩa Trung

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/09/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến	Từ 01/01/2022
			30/09/2023	đến 30/09/2022
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.885.658.830</b>	<b>85.197.877.865</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		14.127.596.615	36.394.106.385
Các khoản dự phòng	03		(58.291.309.479)	3.714.827.523
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.041.747.985)	23.040.829.371
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(4.554.966.216)	(4.499.550.469)
Chi phí lãi vay	06		118.308.360.665	57.572.643.277
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>72.433.592.430</b>	<b>201.420.733.952</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		304.157.256.731	352.097.203.818
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.017.351.608.739	(96.318.612.074)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.641.972.013.933)	(358.806.508.262)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(94.896.825)	(29.805.874.809)
Tiền lãi vay đã trả	14		(118.733.563.497)	(56.991.669.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.303.017.087)	(9.303.017.087)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(413.718.960)	(50.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(376.574.752.402)</b>	<b>2.242.256.538</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.749.063.839)	(4.501.173.128)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		92.592.592	92.592.592
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.344.311.773)	(37.475.161.644)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.794.727.565	4.416.830.102
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(39.206.055.455)</b>	<b>(37.466.912.078)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến	Từ 01/01/2022
			30/09/2023	đến 30/09/2022
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		2.497.274.137.875	2.041.661.747.308
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.063.621.484.465)	(1.924.087.542.745)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(73.714.310.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>433.652.653.410</b>	<b>43.859.894.563</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>17.871.845.553</b>	<b>8.635.239.023</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>30.089.221.341</b>	<b>28.099.529.213</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		45.585.621	(38.598.850)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>48.006.652.515</b>	<b>36.696.169.386</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

Đinh Thị Ngọc

TP.Tài chính kế toán

Nguyễn Nghĩa Trung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bùi Văn Hữu



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/09/2023

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

#### **04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng.

#### **05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách công ty con được hợp nhất gồm:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh	Thôn Quang Trung, xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Sài Gòn	Số 1454, quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Công ty CP Cơ khí XD và Tư vấn thiết kế 30-4	Thôn Giao Tự, Xã Kim Sơn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **06. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **07. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **03. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

#### **04. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **05. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao.

#### **08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **09. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do Công ty mẹ nắm giữ.

Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chốt danh sách trả cổ tức của Công ty.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

#### **18. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

##### ***Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:***

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

#### **Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:**

##### **Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ hệ thống phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong hệ thống.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ hệ thống sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả hệ thống. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### **Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong hệ thống phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của các công ty con.

#### **IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

##### **01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	273.416.138	1.082.252.788
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.977.387.163	20.550.764.644
Các khoản tương đương tiền	11.755.849.214	8.456.203.909
<b>Cộng</b>	<b>48.006.652.515</b>	<b>30.089.221.341</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****02. Các khoản đầu tư tài chính***a. Chứng khoán kinh doanh*

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
+ Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	679.000	456.000	(223.000)	679.000	439.200	(239.800)
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394.530	178.800	(215.730)	394.530	135.000	(259.530)
<b>Cộng</b>	<b>1.073.530</b>	<b>634.800</b>	<b>(438.730)</b>	<b>1.073.530</b>	<b>574.200</b>	<b>(499.330)</b>

*b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	30/09/2023		01/01/2023	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.688.635.061</b>	<b>2.688.635.061</b>	<b>106.644.323.288</b>	<b>106.644.323.288</b>
+ Tiền gửi có kỳ hạn	2.688.635.061	2.688.635.061	106.644.323.288	106.644.323.288
<b>Cộng</b>	<b>2.688.635.061</b>	<b>2.688.635.061</b>	<b>106.644.323.288</b>	<b>106.644.323.288</b>

(\*): Là khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP có kỳ hạn không quá 12 tháng, lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,3% năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>03. Phải thu của khách hàng</b>				
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và dịch vụ số 8	83.793.604.262	(1.510.533.124)	68.530.992.027	(1.510.533.124)
- Công ty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính	54.937.222.602	-	31.392.008.271	-
- Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín -Chi nhánh Hà Nội	-	-	18.381.250.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại H&H Hà Nội	4.742.719.346	-	3.545.919.050	-
- Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Thương mại Tài Anh	-	-	4.500.000.000	-
- Ban Quản lý dự án số 3	2.905.379.780	-	2.905.379.780	-
- Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	1.253.042.000	-	3.205.195.474	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	10.464.027.734	(1.510.533.124)	4.601.239.452	(1.510.533.124)
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>74.302.391.462</b>	<b>(1.510.533.124)</b>	<b>68.530.992.027</b>	<b>(1.510.533.124)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**04. Phải thu khác**

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>25.189.255.141</b>	<b>(826.459.475)</b>	<b>177.238.136.389</b>	<b>(826.459.475)</b>
- Tạm ứng Công nhân viên	16.292.187.851	-	45.428.714.673	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.500.000	-	122.104.821.965	-
- Các khoản phải thu khác	8.894.567.290	(826.459.475)	9.704.599.751	(826.459.475)
<b>Dài hạn</b>	<b>100.000.000</b>	-	<b>15.000.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	15.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>25.289.255.141</b>	<b>(826.459.475)</b>	<b>177.253.136.389</b>	<b>(826.459.475)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**05. Nợ xấu**

	30/09/2023		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi
- Nhà máy Cơ khí 120	500.000.000	-	500.000.000	-
- DNTN Thịnh Hưng	602.975.940	-	602.975.940	-
- Các đối tượng khác	1.234.016.659	-	1.234.016.659	-
<b>Cộng</b>	<b>2.336.992.599</b>	<b>-</b>	<b>2.336.992.599</b>	<b>-</b>

**06. Hàng tồn kho**

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	28.000.010	-
Nguyên liệu, vật liệu	18.787.279.256	-	148.639.201.750	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.317.835.486	-	84.052.268.320	-
Thành phẩm	755.833.442.943	-	1.380.330.402.402	(36.226.201.259)
Hàng hóa	178.143.636.388	-	392.175.043.959	(5.103.660.768)
Hàng gửi bán	483.334.049.241	-	489.456.247.040	(16.961.386.852)
<b>Cộng</b>	<b>1.481.871.258.708</b>	<b>-</b>	<b>2.499.222.867.447</b>	<b>(58.291.248.879)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2023	270.259.029.401	162.498.672.591	32.509.137.827	6.997.975.833	4.347.581.728	476.612.397.380
- Mua trong năm	35.195.369	1.763.643.220	997.663.420	-	-	2.796.502.009
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	702.491.941	-	-	702.491.941
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	(35.195.369)	-	-	-	-	(35.195.369)
Tại 30/09/2023	270.259.029.401	164.262.315.811	34.209.293.188	6.997.975.833	4.347.581.728	480.076.195.961

**HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại 01/01/2023	(99.679.201.146)	(92.378.588.554)	(21.607.008.647)	(3.159.722.249)	(4.234.160.756)	(221.058.681.352)
- Khấu hao trong năm	(4.918.914.630)	(6.253.586.311)	(2.022.083.926)	(649.100.169)	-	(13.843.685.036)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại 30/09/2023	(104.598.115.776)	(98.632.174.865)	(23.629.092.573)	(3.808.822.418)	(4.234.160.756)	(234.902.366.388)

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/01/2023	170.579.828.255	70.120.084.037	10.902.129.180	3.838.253.584	113.420.972	255.553.716.028
Tại 30/09/2023	165.660.913.625	65.630.140.946	10.580.200.615	3.189.153.415	113.420.972	245.173.829.573



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2023	50.420.000.000	3.053.945.000	53.473.945.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ Doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Tại 30/09/2023	<u>50.420.000.000</u>	<u>3.053.945.000</u>	<u>53.473.945.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Tại 01/01/2023	-	(354.093.861)	(354.093.861)
- Khấu hao trong năm	-	(283.911.579)	(283.911.579)
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Tại 30/09/2023	<u>-</u>	<u>(638.005.440)</u>	<u>(638.005.440)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2023	<u>50.420.000.000</u>	<u>2.699.851.139</u>	<u>53.119.851.139</u>
Tại 30/09/2023	<u>50.420.000.000</u>	<u>2.415.939.560</u>	<u>52.835.939.560</u>

(\*): Là quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 1487, 1488 tờ bản đồ số 38 phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 165.939.000 đồng.

Tại ngày 31/12/2021, nguyên giá và giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay lần lượt là 50,420,000,000 đồng và 50,420,000,000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****09. Chi phí trả trước**

	<b>30/09/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.387.561.426</b>	<b>7.507.668.763</b>
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	351.984.864	667.275.671
- Chi phí thuê xe và sửa chữa	-	5.250.677
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.035.576.562	6.835.142.415
<b>Dài hạn</b>	<b>66.120.318.544</b>	<b>63.905.314.382</b>
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	2.920.129.348	2.347.214.106
- Chi phí sửa chữa	2.205.111.502	2.910.893.673
- Chi phí đèn bù san lấp mặt bằng	8.164.073.931	9.670.443.784
- Chi phí thuê văn phòng	33.240.495.188	35.917.584.270
- Chi phí thuê vị trí đặt biển	1.063.636.350	1.227.272.718
- Chi phí khác	18.526.872.225	11.831.905.831
<b>Cộng</b>	<b>71.507.879.970</b>	<b>71.412.983.145</b>

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/09/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Mua sắm	1.790.573.733	1.588.871.306
- Xây dựng cơ bản	16.223.435.723	139.872.892
<b>Cộng</b>	<b>18.014.009.456</b>	<b>1.728.744.198</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nội dung	30/09/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<b>11. Vay và nợ thuê tài chính</b>					
a) Vay ngắn hạn	1.420.091.321.956	1.420.091.321.956	2.496.243.885.737	2.052.758.703.465	976.606.139.684	976.606.139.684
- Vay ngân hàng	1.371.257.127.916	1.317.076.131.819	2.350.052.144.351	1.992.630.459.216	959.654.446.684	959.654.446.684
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	493.863.724.753	493.863.724.753	582.530.930.557	510.983.743.845	422.316.538.041	422.316.538.041
Ngân hàng TMCP Việt Nam - Thịnh Vương - Chi nhánh Nam Hà Nội	531.339.738.145	531.339.738.145	1.091.393.545.672	922.858.764.215	362.804.956.688	362.804.956.688
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	218.028.840.774	218.028.840.774	497.740.061.685	423.265.185.431	143.553.964.520	143.553.964.520
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội	73.843.828.147	73.843.828.147	170.231.002.437	115.612.838.000	19.225.663.710	19.225.663.710
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai	-	-	-	11.753.323.725	11.753.323.725	11.753.323.725
+ Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	8.156.604.000	8.156.604.000	-	-
+ Ngân hàng Quốc tế VIB	54.180.996.097	54.180.996.097	56.904.059.733	2.723.063.636	-	-
+ Ngân hàng ngoại thương Việt Nam	23.825.051.040	23.825.051.040	23.825.051.040	-	-	-
Vay đối tượng khác	10.525.435.000	10.525.435.000	65.462.630.613	57.405.180.613	2.467.985.000	2.467.985.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	14.483.708.000	14.483.708.000	-	-	14.483.708.000	14.483.708.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam - Thịnh Vương - Chi nhánh Nam Hà Nội	14.351.040.000	14.351.040.000	-	-	14.351.040.000	14.351.040.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

+	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	132.668.000	132.668.000	-	-	132.668.000	132.668.000
<b>b)</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>14.132.782.965</b>	<b>14.132.782.965</b>	<b>1.030.252.138</b>	<b>10.862.781.000</b>	<b>23.965.311.827</b>	<b>23.965.311.827</b>
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	33.163.000	33.163.000	-	99.501.000	132.664.000	132.664.000
-	Ngân hàng TMCP Việt Nam - Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội	13.069.367.827	13.069.367.827	-	10.763.280.000	23.832.647.827	23.832.647.827
-	Ông Bùi Văn Hữu	1.030.252.138	1.030.252.138	1.030.252.138	-	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.434.224.104.921</b>	<b>1.434.224.104.921</b>	<b>2.497.274.137.875</b>	<b>2.063.621.484.465</b>	<b>1.000.571.451.511</b>	<b>1.000.571.451.511</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

#### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2021/134960/HĐTD ngày 29/10/2021 để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 750 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 01 năm, lãi suất 8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/134960/HĐBĐ, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/134960/HĐBĐ, tài sản đảm bảo của bên thứ 3 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/134960/HĐBĐ, số 02/2019/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 03/2019/134960/HĐBĐ, tài sản luân chuyển trong quá trình SXKD là hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐBĐ.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2022/HĐHM/VPB-TMT ngày 29/7/2022 để tài trợ vốn lưu động (cho vay, phát hành LC bảo lãnh) phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh xe ô tô tải (xe lắp ráp và xe nhập khẩu nguyên chiếc), nhập khẩu xe đầu kéo, xe trộn, xe bồn nguyên chiếc, ô tô điện với hạn mức tín dụng 1.200 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa không quá 11 tháng, lãi suất trong năm từ 8,2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại thửa đất số 1487, 1488 tờ bản đồ số 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12 thành phố Hồ Chí Minh, bất động sản tại thửa đất số 24 + 27 tờ bản đồ số 15 tại thôn Thổ Khối, phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, bất động sản tại thửa đất số 22b tờ bản đồ số 15 tại Hạnh Phúc, phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, bất động sản tại thửa đất số 22(1) tờ bản đồ số 15 tại thôn Thổ Khối, phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, hàng hóa là xe ô tô và hàng hóa hình thành từ L/C thuộc sở hữu của Công ty, các sổ tiết kiệm tiền gửi của Công ty và bảo lãnh cá nhân của ông Bùi Văn Hữu.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 195/2021/HĐHMTD/PVBHBT-TMT ngày 19/7/2021 để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ô tô với hạn mức tín dụng: 700 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay trong năm 6,5%-9,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ hàng hóa, hàng tồn kho được hình thành từ vốn vay tại Ngân hàng, tài sản bổ sung của Công ty, toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của nhà máy sản xuất lắp ráp xe tải hạng trung- hạng nặng tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 09, xã Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên và thửa đất số 255, tờ bản đồ số 6 xã Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1754/22/MB/HĐTD ngày 22/03/2022 để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh ô tô và phát hành LC với hạn mức tín dụng là: 250 tỷ, thời hạn cấp hạn mức là 36 tháng, lãi suất vay trong năm 4,65% - 7,1%. Khoản vay được bảo đảm bằng thành phẩm xe ô tô, hàng hoá xe nhập khẩu nguyên chiếc, hàng hoá tồn kho là xe lắp ráp thành phẩm.
- (v) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 26578.21.065.27422.TD ngày 01/06/2021 mục đích cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ô tô của khách hàng với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, thời hạn cấp



## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

hạn mức tín dụng đến ngày 10/06/2023, lãi suất vay trong năm 4,3%. Khoản vay được bảo đảm bằng giấy tờ có giá, bất động sản, động sản.

(vi) Khoản vay cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

(vii) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Nam Hà Nội theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 251218-4515028-01-SME ngày 18/01/2019 để tài trợ khoản vay "Đầu tư xây dựng trung tâm showroom và tổng kho – Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh". Thời hạn vay 06 năm, lãi suất vay từ 10,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và TS gắn liền với đất tại thửa đất số 1487, 1488, tờ bản đồ 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng và sở hữu của TMT; Bảo lãnh cá nhân của bên thứ 3.

+ Hợp đồng vay số 171019-4515028-01-SME ngày 22/10/2019 để tài trợ chi phí đầu tư văn phòng làm việc tại tòa nhà Coninco số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Thời hạn vay 07 năm, lãi suất vay từ 10,8%/năm đến 11,6%/năm.

+ Hợp đồng vay số 050719-4515028-01-SME ngày 05/7/2019 để mua xe ô tô Ford phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 06 năm, lãi suất 10%/năm được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(viii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 02/2021/134960/HĐTD ngày 19/11/2021 với số tiền vay là 398.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư mua sắm mới phương tiện vận tải là xe ô tô phục vụ đi lại, sản xuất kinh doanh, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/134960/HĐBĐ ngày 19/11/2021.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**12. Phải trả người bán**

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>197.976.164.832</b>	<b>197.976.164.832</b>	<b>1.790.373.658.489</b>	<b>1.790.373.658.489</b>
- Sinotruk Import & Exprt Co.,Ltd	9.082.451.723	9.082.451.723	1.321.377.829.460	1.321.377.829.460
- Guangxi Qinzhou Lishun Machinery Co.,Ltd	-	-	55.949.339.626	55.949.339.626
- Shangdong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	5.258.603.044	5.258.603.044	103.839.720.393	103.839.720.393
- Chongqing Sokon Motor (Group) Imp&Exp Co.,Ltd	-	-	43.630.157.685	43.630.157.685
- Chongqing Shuguang Pant Industry Co.,LTD	-	-	12.495.000.000	12.495.000.000
- Tata motor company limited	-	-	114.071.297.908	114.071.297.908
- Các đối tượng khác	183.635.110.065	183.635.110.065	139.010.313.417	139.010.313.417
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>67.197.259.671</b>	<b>67.197.259.671</b>	<b>67.300.694.276</b>	<b>67.300.694.276</b>
<b>Cộng</b>	<b>265.173.424.503</b>	<b>265.173.424.503</b>	<b>1.857.674.352.765</b>	<b>1.857.674.352.765</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**13. Người mua trả tiền trước**

	<b>30/09/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>80.171.986.805</b>	<b>83.118.796.837</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải ô tô số 8	16.547.739.244	16.547.739.244
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	-	8.209.685.670
- Công ty TNHH ô tô KMT	2.412.552.620	3.711.385.745
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	61.211.694.941	54.649.986.178
<b>Cộng</b>	<b>80.171.986.805</b>	<b>83.118.796.837</b>

**14. Chi phí phải trả**

	<b>30/09/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.825.655.731</b>	<b>23.493.588.721</b>
- Chi phí lãi vay	-	1.600.364.914
- Chi phí vận chuyển	1.008.910.755	1.243.460.409
- Chi phí trích trước lương tháng 13	-	4.600.000.000
- Chi phí LC	-	10.047.535.829
- Chi phí tư vấn bán hàng	-	5.077.300.000
- Trích trước chi phí sản xuất	-	462.650.197
- Chi phí phải trả khác	816.744.976	462.277.372
<b>Cộng</b>	<b>1.825.655.731</b>	<b>23.493.588.721</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/09/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>25.435.151.142</b>	<b>32.223.101.912</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	75.965.354	67.383.088
- Kinh phí công đoàn	6.275.076.182	5.887.189.912
- Bảo hiểm xã hội	479.643.678	450.778.138
- Bảo hiểm y tế	39.620.690	54.279.900
- Phải trả về cổ phần hóa	10.400.000	10.400.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	15.819.132	25.044.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.538.626.106	25.728.026.474
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải ô tô số 8	1.193.924.373	1.193.924.373
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1	121.498.864	121.498.864
+ Tata Motor Company Limited	8.739.093.245	1.359.957.333
+ Các đối tượng khác	8.484.109.624	23.052.645.904
<b>Dài hạn</b>	<b>36.200.000.000</b>	<b>30.400.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	36.200.000.000	30.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.635.151.142</b>	<b>62.623.101.912</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16. Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

**a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
+ Ông Bùi Văn Hữu	123.057.040.000	33	123.057.040.000	33
+ Các đối tượng khác	249.819.760.000	67	249.819.760.000	67
<b>Cộng</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>100</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>100</b>

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	372.876.800.000	372.876.800.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	372.876.800.000	372.876.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.287.680	37.287.680
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.287.680	37.287.680
+ Cổ phiếu phổ thông	37.287.680	37.287.680
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ Cổ phiếu phổ thông	409.700	409.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.877.980	36.877.980
+ Cổ phiếu phổ thông	36.877.980	36.877.980
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	686.736.316.279	647.548.548.423
- Doanh thu bán thành phẩm	1.301.373.255.799	1.619.737.972.458
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.941.751.779	4.256.383.114
<b>Cộng</b>	<b>1.991.051.323.857</b>	<b>2.271.542.903.995</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
+ Hàng bán trả lại	17.239.646.446	4.272.923.226
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Chiết khấu thương mại	192.702.510	4.713.552.187
<b>Cộng</b>	<b>17.432.348.956</b>	<b>8.986.475.413</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa	650.520.455.189	215.146.219.126
- Giá vốn bán thành phẩm	1.131.992.882.144	1.788.773.027.789
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.647.576.601	2.338.556.986
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.785.160.913.934</b>	<b>2.010.163.919.640</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.475.205.986	4.416.830.102
- Lãi chênh lệch tỷ giá	146.465.938	20.326.650.807
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.621.671.924</b>	<b>24.743.480.909</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	117.133.198.583	57.572.643.277
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.557.381.229	33.001.185.531
- Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(96.000)	-
- Chi phí tài chính khác	-	355.928.150
<b>Cộng</b>	<b>119.690.483.812</b>	<b>90.929.756.958</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2023 đến	Từ 01/01/2022 đến
	30/09/2023	30/09/2022
	VND	VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>38.815.052.502</b>	<b>33.696.855.345</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	18.549.049.780	17.514.727.118
- Chi phí vật liệu quản lý	51.580.874	68.905.289
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.981.429.690	2.847.393.525
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.361.147.516	2.631.820.618
- Chi phí dự phòng	-	1.274.042.421
- Thuế, phí và lệ phí	2.398.937.805	15.505.536
- Lợi thế thương mại phân bổ	1.436.333.028	1.125.560.988
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.479.384.553	6.154.024.672
- Chi phí bằng tiền khác	1.557.189.256	2.064.875.178
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>44.791.992.067</b>	<b>67.964.043.663</b>
- Chi phí nhân viên	13.645.539.502	21.484.142.529
- Chi phí vật liệu, bao bì	69.482.241	143.277.253
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	74.808.207	57.593.648
- Chi phí khấu hao TSCĐ	346.675.411	49.912.442
- Chi phí bảo hành	3.019.825.723	3.959.990.749
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.418.317.442	26.450.343.524
- Chi phí bằng tiền khác	10.217.343.541	15.818.783.518
	<b>83.607.044.569</b>	<b>101.660.899.008</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2022 đến
	đến 30/09/2023	30/09/2022
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.437.959.843	18.009.865.960
	<b>2.437.959.843</b>	<b>18.009.865.960</b>


Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu



**Dinh Thị Ngọc**

TP.Tài chính kế toán



**Nguyễn Nghĩa Trung**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**Bùi Văn Hữu**